

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-11-2024

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phùng Tiến Hồng.

2- Bà Võ Thị Thu Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Quang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, năm sinh 1993; Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc T1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2013 tại UBND xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 thường xuyên rượu chè, đánh đập chị, ghen tuông vô cớ, xúc phạm xỉ nhục chị. Mặc dù vợ chồng cũng như hai bên gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hòa thuận được với nhau. Chị và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay

mỗi người một nơi. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Quốc T1 có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/10/2013; Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/01/2015 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 02/5/2021. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Nguyễn Minh T2, giao cho anh Nguyễn Quốc T1 nuôi dưỡng 02 con Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Minh Q.

Hiện nay chị đang làm công nhân may trong tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chỗ ở hiện tại chị đang thuê trọ ở cùng với 02 người phụ nữ khác; thu nhập hàng tháng như sau: L cơ bản là 5.700.000 đồng/tháng, nếu làm tăng ca đến 20 giờ tối thì lương tổng cộng sẽ được 8.400.000 đồng/tháng. Với mức lương như vậy thì chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Quốc T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian chung sống, kết hôn của anh và chị T đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn: vợ chồng thường xuyên cãi vã vì bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh và chị T đã sống ly thân với nhau từ đầu tháng 4/2024 cho đến nay. Anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau vì con cái, anh muốn con cái có đủ cả cha cả mẹ, không muốn chia rẽ 03 đứa con. Nếu chị T cương quyết đòi ly hôn thì tùy chị T quyết định.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/10/2013; Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/01/2015 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 02/5/2021. Từ khi vợ chồng ly thân tháng 4/2024 cho đến nay, cả 03 con đều ở với anh. Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 con chung vì anh có đủ khả năng để nuôi các con và cả 03 con đều muốn được ở với anh, các con của anh từ nhỏ đến giờ rất thương yêu, gắn bó với nhau và không muốn chia rẽ anh em.

Hiện nay anh có nhà ở, có đất sản xuất nông nghiệp và anh đang làm nghề nông tại thôn A, xã K, huyện I, thu nhập hàng tháng ổn định khoảng 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng nên anh có đủ điều kiện để nuôi cả 03 con.

Ngoài ra, anh còn có cha mẹ anh ở ngay gần đó hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con anh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T; tuyên chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1. Về con chung: Giao 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/10/2013; Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/01/2015 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 02/5/2021 cho anh T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con chung với anh Nguyễn Quốc T1 hiện đang cư trú tại Thôn A, xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quốc T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2013 tại UBND xã K, huyện I, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1. Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 tại địa phương nơi anh chị sinh sống, kết quả thể hiện giữa chị T và anh T1 có tồn tại mâu thuẫn. Anh chị đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn. Hiện tại, chị T và anh T1 đã sống ly thân.

Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải, phân tích hậu quả của việc ly hôn, động viên các bên hàn gắn để tiếp tục chung sống, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/10/2013; Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/01/2015 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 02/5/2021. Cả 03 con hiện đang sống với anh T1. Chị T yêu cầu được nuôi con Nguyễn Minh T2; anh T1 có nguyện vọng được nuôi cả 03 con và các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét điều kiện thực tế, anh T1 có công việc làm nông tại địa phương, thu nhập ổn định; chị T trình bày hiện nay chị làm công nhân may tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh T1 là người gần gũi, gần bó thân thiết và trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con; thỉnh thoảng chị T mới về thăm con; toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của cả 03 con từ khi ly thân cho đến nay là do một mình anh T1 chi trả. Các con đều được anh T1 chăm lo ăn học đầy đủ, phát triển khỏe mạnh, được nhà trường xác nhận. Trong thời gian sống ly thân từ tháng 4/2024 cho đến nay, chị T không trực tiếp, không thường xuyên thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, anh T1 còn nhận được sự hỗ trợ của cha mẹ anh ở gần trong việc trông nom, chăm sóc các con. Anh T1 có nhà ở và đất nông nghiệp ở địa phương nơi cư trú nên anh T1 đảm bảo điều kiện kinh tế hơn để nuôi dưỡng các con chung. Chị T hiện đang làm công nhân may trong tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phải thuê nhà trọ ở cùng với 02 người phụ nữ khác, chỗ ở không ổn định, không thuận tiện trong việc nuôi con.

Xét nguyện vọng của các con đều có mong muốn anh em được ở cùng nhau và ở cùng với cha.

Như vậy, để bảo đảm sự ổn định tâm lý và tình cảm của các con, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 03 con chung cho anh T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế theo đúng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đã được giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu xin ly hôn của chị T được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc ly hôn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T1.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cho anh Nguyễn Quốc T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 13/10/2013; Nguyễn Minh Q, sinh ngày 29/01/2015 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 02/5/2021 khi con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi việc cấp dưỡng.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003803 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2024), nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Nga